

Bản án số: 90/2023/HC-PT

Ngày: 30/3/2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Tấn Trường

Các Thẩm phán:

ông Vũ Thanh Liêm

ông Trương Công Thi

- T ký phiên toà: bà Đinh Thị Trang - T ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 282/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 11 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”; do Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2022/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 959/2023/QĐPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* ông Võ Đức L, sinh năm 1956; Địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đức T – Phó Chủ tịch, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T; Địa chỉ: huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: ông Cao Văn T, vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: ông Võ Đức L, có mặt.

4. Người làm chứng:

- 4.1. Ông Lê Tấn L, sinh năm 1970; Địa chỉ: tỉnh P Yên, vắng mặt.
- 4.2. Bà Đậu Thị N, sinh năm 1966; Địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- 4.3. Bà Lương Thị N; Địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- 4.4. Ông Đỗ H H, sinh năm 1976; Địa chỉ: huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.
- 4.5. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972; Địa chỉ: huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.
- 4.6. Ông Văn Đình T, sinh năm 1963; Địa chỉ: huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.
- 4.7. Bà Nông Thị L; Địa chỉ: C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- 4.8. Ông Nông Văn H; Địa chỉ: thôn trưởng Đ, C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- 4.9. Ông L Văn B; Địa chỉ: Chi hội trưởng chi hội chiến binh thôn Đ, C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- 4.10. Ông Hà Đình T; Địa chỉ: thôn 5, C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
- 4.11. Ông Đào C; Địa chỉ: Công ty S, vắng mặt.
- 4.12. Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh 1971; Địa chỉ: tỉnh P Yên, vắng mặt.
- 4.13. Ông H Văn C, nguyên Chủ tịch mặt trận xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- 4.14. Ông Trần Ngọc D sinh năm 1968, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- 4.15. Ông Nông Văn H; Địa chỉ: tỉnh P Yên, vắng mặt.
- 4.16. Ông Trần Văn Q, sinh 1991; Địa chỉ: Đ, C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- 4.17. Ông Trần Huy B, sinh năm 1969; Địa chỉ: Nhân Hậu, Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.
- 4.18. Ông Y M'lo (A), sinh năm 1958; Nguyên Phó Chủ tịch UBND xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- 4.19. Ông YM (A), sinh năm 1960; Nguyên Buôn trưởng B, C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- 4.20. Ông Trần Văn T, sinh năm 1960; Chi hội trưởng người cao tuổi thôn Đ C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- Người kháng cáo: ông Võ Đức L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người khởi kiện trình bày:

Vào khoảng tháng 4/1999 gia đình tôi khai hoang được một lô đất có diện tích có diện tích khoảng hơn 20.000m² (02 hecta), sau khi phát dọn xong gia

đình tôi cho ông Vương D (không rõ địa chỉ - là người trông coi rẫy và làm thuê cho gia đình tôi – chết năm 2014) diện tích khoảng 15.000m²; cho ông Nông Văn H diện tích khoảng 300m²; diện tích còn lại khoảng 5.000m² thì gia đình tôi sử dụng ổn định cho đến nay. Sau khi khai hoang xong, gia đình tôi trồng rừng (cây keo) và dựng 01 căn nhà gỗ, mái lợp tôn diện tích khoảng 36m² và cho ông Vương D ở, trông coi rẫy. Sau khi khai hoang thì gia đình tôi trồng rừng. Ngày 24/4/2008, do đường điện 06 đi qua đất của gia đình tôi nên Nhà nước đã bồi thường cho gia đình tôi số tiền 1.810.200 đồng; Năm 2009, thì nhà máy thủy điện K mức đất của gia đình tôi để làm đường và đã trả tiền đất và tiền cây cho gia đình tôi; Năm 2010, Nhà nước làm đường đi qua đất của gia đình tôi nên trả tiền bồi thường cho gia đình tôi, gia đình tôi đã nhận tiền. Ngày 12/4/2013, gia đình tôi cho ông Vương D thuê 5.000m² đất này để canh tác, có viết giấy tay; Năm 2014, ông Vương D chết nên ngày 15/3/2014, tôi cho bà Lương Thị N (*địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk*) thuê để canh tác. Đến tháng 10/2018, gia đình tôi lấy lại diện tích đất nêu trên để trồng rừng và thuê ông Lê Tấn L (*địa chỉ: tỉnh P Yên*) trông coi.

Ngày 27/3/2021, thì ông Cao Văn T tự ý đến canh tác và chiếm diện tích đất của gia đình tôi 1.238,5m² (diện tích đất này nằm trong 5.000m² mà gia đình tôi đã khai hoang từ năm 1999). Sau đó, tôi phát hiện và ngăn cản, không cho canh tác nữa, đồng thời báo với chính quyền địa phương. Ngày 19/10/2021, tôi mới biết được Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 4.892m² đất của gia đình tôi cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T.

Việc Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích mà gia đình tôi khai hoang và sử dụng là không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi. Do đó, tôi khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện M ra Tòa án để yêu cầu giải quyết các nội dung sau:

- Thứ nhất: yêu cầu hủy Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T, địa chỉ thường trú thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Thứ hai: yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU432901 ngày 09/7/2021 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T đối với diện tích đất 4.892m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 38 tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bị kiện trình bày:

- Về nguồn gốc, giấy tờ đất: ông Cao Văn T kê khai tại Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa số 56, tờ bản đồ 38 nguồn gốc khai hoang từ năm 2003 và sử dụng ổn định

từ đó cho đến nay. Được UBND xã C xác nhận trên cơ sở lấy ý kiến của khu dân cư của 03 người dân đã cùng cư trú tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích hiện nay theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Về hiện trạng đất: trong diện tích 4.892m² tại thửa số 56, tờ bản đồ 38, có diện tích 1.238,5m² hộ ông Cao Văn T đang sử dụng trồng điều, khoai mỳ, diện tích 950m² bị các hộ xung quanh lấn chiếm và diện tích 2.703,5m² do độ dốc lớn không sử dụng.

- Về quy hoạch sử dụng đất: căn cứ bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện M được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2019 thửa số 56, tờ bản đồ 38 có diện tích 479m² quy hoạch đất trồng cây hàng năm (HNK), diện tích 4.413m² được quy hoạch đất ở nông thôn (ONT).

- Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T, địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 20/4/2021, ông Cao Văn T làm Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa số 56, tờ bản đồ 38, diện tích 4.892m². Được Hội đồng tư vấn đất đai xã C xét duyệt ngày 20/4/2021 và Thông báo danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất từ ngày 20/4/2021 đến hết ngày 05/5/2021 (trong thời hạn niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất không nhận được kiến nghị, phản ánh, tranh chấp liên quan đến kết quả kiểm tra đề nghị cấp giấy chứng nhận); ngày 05/5/2021 UBND xã C có Tờ trình số 37/TTr-UBND về việc xin cấp GCNQSD đất cho hộ ông Cao Văn T thửa số 56 tờ bản đồ 38 diện tích 4.892m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác (NHK). Được Chi nhánh VPĐK đất đai huyện M kiểm tra đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Đến ngày 09/7/2021, UBND huyện M có Quyết định số 1358/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu CU 432901 vào sổ cấp giấy số CH 022295 cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T, thửa số 56, tờ bản đồ 38, diện tích 4.892m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác (NHK).

- Về trình tự giải quyết đơn của ông Võ Đức L: ngày 13/8/2021, Đảng ủy xã C, huyện M nhận được đơn tố cáo của ông Võ Đức L, địa chỉ: tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Nội dung tố cáo ông Cao Văn T là Trưởng thôn thôn Đ, xã C, huyện M có hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn để chiếm

đoạt tài sản; UBND xã C đã thành lập tổ kiểm tra, xác minh nội dung tố cáo đồng thời có Công văn số 98/UBND ngày 09/9/2021 về việc trả lời đơn tố cáo của công dân Võ Đức L. Không đồng ý với nội dung trả lời của UBND xã C, ngày 21/9/2021 ông Võ Đức L tiếp tục gửi đơn tố cáo đến Chủ tịch UBND huyện M, ngày 19/10/2021 Thanh tra huyện M làm việc với UBND xã C và ông Võ Đức L, tại buổi làm việc xác định đây là vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Võ Đức L và ông Cao Văn T, đồng thời hướng dẫn ông Võ Đức L liên hệ, phối hợp cung cấp tài liệu chứng cứ cho UBND xã C để được hòa giải theo trình tự tại Điều 202 Luật đất đai 2013. Ngày 20/10/2021, ông Võ Đức L có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai gửi UBND xã C, sau khi tiếp nhận đơn, UBND C đã kiểm tra hiện trạng, thu thập hồ sơ tài liệu liên quan, thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai ngày 15/12/2021 theo Điều 202 Luật đất đai năm 2013, Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, tuy nhiên kết quả hòa giải không thành.

- Ý kiến của UBND huyện M: căn cứ nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất và nội dung liên quan được kê khai tại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận QSD đất của hộ ông Cao Văn T thửa đất số 56, tờ bản đồ 38, diện tích 4.892m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác (NHK) được UBND xã C xét duyệt xác nhận, thửa đất trên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu CU 432901, ngày 09/7/2021 thửa số 56, tờ bản đồ 38, diện tích 4.892m² cho hộ ông Cao Văn T được Hội đồng tư vấn đất đai xã C xét duyệt, công khai kết quả xét duyệt theo quy định; được UBND xã C đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất và được UBND huyện M quyết định cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo trình tự quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Cao Văn T được thực hiện theo đúng quy định, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận QSD đất không phát sinh đơn thư khiếu nại, kiến nghị liên quan đến việc cấp GCN QSD đất.

Việc ông Võ Đức L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện M về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 432901 cấp ngày 09/7/2021 cấp cho ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T tại thửa số 56, tờ bản đồ 38, diện tích 4.892m² là không có cơ sở; vì đất ông Cao Văn T, khai hoang, sử dụng ổn định, phù hợp quy hoạch, không tranh chấp, được

UBND xã C xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Ông Võ Đức L có đơn tố cáo ông Cao Văn T có hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản; UBND xã C đã kiểm tra, xác minh nội dung tố cáo và trả lời cho ông Võ Đức L; UBND huyện M đã làm việc với ông Võ Đức L, xác định đây là vụ việc tranh chấp đất đai và hướng dẫn ông Võ Đức L giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; UBND C đã kiểm tra hiện trạng, thu thập hồ sơ tài liệu có liên quan, hòa giải tranh chấp đất đai theo Điều 202 Luật đất đai năm 2013, Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, tuy nhiên kết quả hòa giải không thành.

Ông Võ Đức L không sử dụng đất, không được UBND xã C xác nhận sử dụng đất ổn định, cư trú tại huyện khác, mua bán giấy tờ viết tay không ghi vị trí, diện tích cụ thể, không đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai, vào sổ địa chính theo quy định tại Điều 95, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013 mà yêu cầu hủy Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 432901 cấp ngày 09/7/2021 của UBND huyện M là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết đảm bảo khách quan, theo quy định của pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị T trình bày: bà thống nhất với phần trình bày của người khởi kiện ông Võ Đức L.

Ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T trình bày:

Năm 1996, tôi chuyển từ tỉnh Hà Nam vào Đắk Lắk vào làm kinh tế và sống cùng gia đình anh chị tại thôn 1, xã C, huyện M cho đến năm 2002-2003 thì tôi cùng gia đình anh chị chuyển qua B (nay là thôn Đ), xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk sinh sống. Đến năm 2008, thì lập gia đình và xây dựng nhà riêng sống tại thôn Đ cho đến nay.

Quá trình sinh sống tại B (nay là thôn Đ), xã C, huyện M tôi có khai hoang được 01 lô đất có diện tích khoảng 5 sào. Đến ngày 09/7/2021, Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU432901 đối với lô đất nêu trên cho gia đình tôi hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T đối với diện tích 4.892m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 38 tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Việc ông L cho rằng diện tích đất nói trên là của ông L, do ông L khai hoang từ năm 1999 là hoàn toàn không có căn cứ. Bởi lẽ, diện tích đất nêu trên do tôi khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 2002-2003 đến nay và đã được Ủy

ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình tôi đã được chính quyền địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức L về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T, địa chỉ thường trú thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đồng thời, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU432901 ngày 09/7/2021 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T đối với diện tích đất 4.892m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 38 tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk thì tôi hoàn toàn không đồng ý. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

4. Người làm chứng trình bày:

Ông Lê Tấn L: Từ năm 1999 đến năm 2011, gia đình tôi sinh sống và làm ăn tại thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, đến năm 2012 gia đình tôi chuyển đến sinh sống tại tỉnh P Yên (thôn 2/4 này tiếp giáp với thôn Đ, hai thôn này được ngăn cách nhau bởi 01 cây cầu). Quá trình sinh sống tại thôn Đ, xã C, huyện M thì tôi được biết diện tích đất 4.892m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 38 tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk do ông Võ Đức L quản lý, sử dụng. Còn nguồn gốc đất là do ông L khai hoang hay nhận chuyển nhượng thì tôi không rõ. Ngoài ông L ra thì không ai sử dụng diện tích đất này.

Tại lô đất này ông L trồng keo. Đến năm 2018, ông L giao lại diện tích đất nêu trên cho tôi quản lý, chăm sóc rừng keo và thỏa thuận khi thu hoạch ông L được hưởng 60%, còn gia đình tôi được hưởng 40% giá trị rừng cây. Trong đó, tôi bỏ công chăm sóc, còn đất và cây giống là của ông L đầu tư. Tuy nhiên, đến tháng 3/2021 thì ông Cao Văn T đến chặt phá rừng keo mà tôi và ông L hợp tác trồng rừng với nhau nên tôi đã thông báo cho ông L, sau đó ông L đã báo chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết. Trên diện tích đất nêu trên ông L có dựng 01 căn nhà gỗ, mái lợp tôn để trông coi rẫy nhưng sau đó do mưa bão, gió nên căn nhà này đã bị sập.

Việc hợp tác trồng rừng nêu trên hai bên có xác lập giấy viết tay, nhưng tại buổi làm việc hôm nay tôi không mang theo. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 29/8/2022 tôi sẽ cung cấp giấy tờ liên quan đến việc hợp tác trồng rừng với ông Võ Đức L tại thôn Đ, xã C, huyện M. Nếu quá thời hạn nêu trên mà tôi không cung cấp được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Những nội dung liên quan và nhưng gì tôi biết tôi đã khai đầy đủ, khách quan. Do đường xá xa xôi, đi lại khó khăn, bận công việc gia đình nên tôi không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong các buổi làm việc, các phiên tòa của Tòa án. Do điều kiện, đường xá đi

lại khó khăn, công việc bận rộn nên không thể tham gia các buổi làm việc, các phiên tòa tiếp theo. Do đó, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Ông Nguyễn Văn C: tôi (Nguyễn Văn C) công tác tại , huyện E, tỉnh Đắk Lắk từ tháng 6/1996. Đến năm 1999, thì ông Võ Đức L giữ chức vụ Bí thư và Phó Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên E và là lãnh đạo trực tiếp của tôi đến năm 1999 cho đến khi ông L về nghỉ hưu theo chế độ.

Quá trình công tác tôi thường xuyên đi tuần tra tại khu vực B (nay là thôn Đ), xã C, huyện M nên tôi biết được lô đất mà hiện nay mà ông L và ông T đang tranh chấp với nhau tại thôn Đ, xã C có nguồn gốc đất là do ông L thuê người khai hoang vào năm 1999, trồng rừng (keo) và trông coi rừng trồng cho ông L. Còn tứ cận và diện tích lô đất là bao nhiêu thì tôi không biết. Sau khi khai hoang thì ông L sử dụng từ đó đến nay. Ngoài ông L ra thì tôi không thấy ai khác sử dụng diện tích đất này.

Do điều kiện, đường xá đi lại khó khăn, công việc bận rộn nên không thể tham gia các buổi làm việc, các phiên tòa tiếp theo. Do đó, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Ông Văn Đình T: tôi (Văn Đình T) công tác tại , huyện E, tỉnh Đắk Lắk từ tháng 7/1999. Thời điểm đó ông Võ Đức L là Phó Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên E và là lãnh đạo trực tiếp của tôi đến năm 2007-2008 thì ông L về nghỉ hưu theo chế độ. Năm 2002, tôi được phân công làm Trạm trưởng trạm 6 của (giáp với B nay là thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk). Tôi được biết lô đất mà hiện nay mà ông L và ông T đang tranh chấp với nhau tại thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc đất là do ông L thuê người khai hoang, trồng rừng (keo) và trông coi rừng trồng cho ông L. Còn việc ông L khai hoang vào thời gian nào thì tôi không rõ và không rõ tứ cận và diện tích lô đất là bao nhiêu. Từ năm 2002 tôi vào công tác tại Trạm 6 thì đã thấy ông L sử dụng lô đất này. Ngoài ông L ra thì không ai sử dụng diện tích đất này. Trên diện tích đất nêu trên ông L có dựng 01 căn nhà gỗ, mái lợp tôn để trông coi rẫy nhưng sau đó do mưa bão, gió nên căn nhà này đã bị sập. Do điều kiện, đường xá đi lại khó khăn, công việc bận rộn nên không thể tham gia các buổi làm việc, các phiên tòa tiếp theo. Do đó, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Ông Đỗ H H: tôi (Đỗ H H) là con rể của ông Trương Văn X (Hai X). Sau khi về làm rể cho ông X thì tôi có nghe bố vợ tôi nói với tôi rằng đám đất ở phía chân đồi đá B (nay là thôn Đ) là do bố vợ tôi cày khai hoang vào năm 2000 để trồng hoa màu nhưng ông Võ Đức L nói khu đồi đá này ông L cho trồng rừng và bảo vệ vùng đệm . Ông L có thuê một số người trồng cây trên đồi đó.

Do điều kiện, đường xá đi lại khó khăn, công việc bận rộn nên không thể tham gia các buổi làm việc, các phiên tòa tiếp theo. Do đó, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2022/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 432901 ngày 09/7/2021 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T đối với diện tích đất 4.892m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 38 tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/10/2022, người khởi kiện ông Võ Đức L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm; yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, xét xử lại vụ án chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người kháng cáo ông Võ Đức L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án, để xét xử lại sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện như trong đơn của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định; về tố tụng, án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án hành chính đúng trình tự, thủ tục; về nội dung, án sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: các đương sự được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên có nhiều đương sự và nhân chứng vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đề nghị của đương sự có mặt tại phiên tòa là người khởi kiện và của Kiểm

sát viên, Hội đồng xét xử thấy đây là phiên tòa được triệu tập lần thứ hai, các đương sự đều nhận được Giấy triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt của các đương sự và nhân chứng không có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng hồ sơ đã rõ; nên thống nhất quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về nguồn gốc thửa đất liên quan đến việc khởi kiện của ông Võ Đức L; Hội đồng xét xử thấy rằng: tại biên bản hoà giải tranh chấp đất đai ngày 15/12/2021 thể hiện nguyên diện tích đất 1.238,5m² mà ông T đang sử dụng trồng cây điều và cây mỳ xen canh có nguồn gốc từ đất rừng do Công ty giấy T quản lý sử dụng; khi thực hiện dự án thủy điện K, Công ty T được đền bù nên đã trả đất về lại cho địa phương quản lý. Từ đó các hộ dân tự ý sử dụng sản xuất nông nghiệp, trong đó có ông Võ Đức L và ông Cao Văn T. Quá trình sử dụng đất, các ông không ai kê khai đăng ký với cơ quan chức năng, mà mạnh ai tự ý trồng trọt trên đất.

[2.2] Ngày 09/7/2021, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1358/QĐ-UBND cấp Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu CU 432901 vào sổ cấp giấy số CH 022295 cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T, thửa số 56, tờ bản đồ 38, diện tích 4.892m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác (NHK).

[2.3] Ngày 13/8/2021, Đảng ủy xã C, huyện M nhận được đơn tố cáo của ông Võ Đức L, địa chỉ tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có nội dung tố cáo ông Cao Văn T là Trưởng thôn thôn Đ, xã C, huyện M có hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản; UBND xã C đã thành lập tổ kiểm tra, xác minh nội dung tố cáo đồng thời có Công văn số 98/UBND ngày 09/9/2021 về việc trả lời đơn tố cáo của công dân Võ Đức L. Không đồng ý với nội dung trả lời của UBND xã C, ngày 21/9/2021 ông Võ Đức L tiếp tục gửi đơn tố cáo đến Chủ tịch UBND huyện M, ngày 19/10/2021 Thanh tra huyện M làm việc với UBND xã C và ông Võ Đức L, tại buổi làm việc xác định đây là vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Võ Đức L và ông Cao Văn T, đồng thời hướng dẫn ông Võ Đức L liên hệ, phối hợp cung cấp tài liệu chứng cứ cho UBND xã C để được hòa giải theo trình tự tại Điều 202 Luật đất đai 2013. Ngày 20/10/2021, ông Võ Đức L có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai gửi UBND xã C, sau khi tiếp nhận đơn, UBND C đã kiểm tra hiện trạng, thu thập hồ sơ tài liệu liên quan, thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai ngày 15/12/2021 theo Điều 202 Luật đất đai năm 2013, Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, do hòa giải không thành; nên ông L đã khởi kiện vụ án hành chính hủy Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 9/7/2021 của UBND huyện M về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất và hủy giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CU 432901 cấp ngày 09/7/2021 cấp cho ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T tại thửa số 56, tờ bản đồ 38, diện tích 4.892 m²; Toà án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông L.

[2.4] Xét kháng cáo của ông Võ Đức L nêu ra nhiều lý do yêu cầu huỷ Bản án sơ thẩm:

[2.4.1] Đối với kháng cáo cho rằng hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Cao Văn T là bộ hồ sơ giả; Hội đồng xét xử thấy rằng: ông Cao Văn T kê khai tại Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa số 56, tờ bản đồ 38 nguồn gốc khai hoang từ năm 2003 và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Được UBND xã C xác nhận trên cơ sở lấy ý kiến của khu dân cư của 03 người dân đã cùng cư trú tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích hiện nay theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T, địa chỉ Thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, bảo đảm đúng trình tự thủ tục quy định. Từ lúc làm thủ tục ngày 20/4/2021 đến hết ngày 05/5/2021 là trong thời hạn niêm yết công khai kết kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất không nhận được kiến nghị, phản ánh, tranh chấp liên quan đến kết quả kiểm tra đề nghị cấp giấy chứng nhận; ngày 05/5/2021, UBND xã C có Tờ trình số 37/TTr-UBND về việc xin cấp GCNQSD đất cho hộ ông Cao Văn T thửa số 56, tờ bản đồ 38, diện tích 4.892m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác (NHK). T bộ hồ sơ đã được Chi nhánh VPĐK đất đai huyện M kiểm tra đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Đến ngày 09/7/2021, UBND huyện M có Quyết định số 1358/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất số hiệu CU 432901 vào sổ cấp giấy số CH 022295 cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T, thửa số 56, tờ bản đồ 38, diện tích 4.892 m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác (NHK).

[2.4.2] Đối với kháng cáo về việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã kiểm tra xem xét tại phiên tòa, chứng cứ bổ sung tại phiên tòa. Phần đối đáp người bị kiện không có mặt. Tôi hỏi người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan 16 câu hỏi - không trả lời được, 02 câu trả lời sai, 02 câu trả lời được, đó là ông T đi xin ông Trần Cao P ký vào phiếu. Vợ ông T đi xin chữ ký bà Nguyễn Thị K vào phiếu lấy ý kiến khu dân cư. Không hợp khu dân cư, những người này không ở cùng ông Cao Văn T từ năm 2003 (ông T ở thôn Đ từ năm 2008). Và đơn ông T nộp ở xã là đơn viết tay; Hội đồng xét xử thấy rằng: việc các đương sự được quyền hỏi và quyền trả lời hay không là quyền của các

đương sự, pháp luật không bắt buộc phải hỏi hoặc phải trả lời. Tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 20/4/2021 thể hiện rõ có cuộc họp của Trưởng thôn Nông Văn H và các ông bà Trần Cao P, Trần Thái C và Nguyễn Thị K ký xác nhận; Biên bản có chữ ký của Chủ tịch và đóng dấu UBND xã C.

[2.4.3] Đối với kháng cáo về việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không tôn trọng người làm chứng, đã 03 lần Tòa án triệu tập người làm chứng nhưng kết luận những người này (cách đây 15 năm ở cùng đơn vị với tôi) nên lời khai của những người này không đảm bảo tính khách quan; Hội đồng xét xử thấy rằng: những người làm chứng cho ông L đều là những người trước đây là cấp dưới của ông L công tác trong cùng đơn vị nhiều năm ít nhiều cũng ảnh hưởng đến việc làm chứng; nên lời trình bày của họ sẽ không khách quan. Hơn nữa, như đã nhận định tại Mục [2.1] là sau khi Công ty giấy T trả lại đất cho địa phương thì có nhiều người khai phá đất sử dụng, trong đó có cả ông L. Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm ông L có cung cấp và yêu cầu triệu tập 20 người làm chứng, nhưng nhiều lần triệu tập mà không có mặt. Tại phiên tòa hôm nay có 03 người làm chứng có mặt trình bày là có thấy ông L sử dụng đất nhưng không xác định vị trí cụ thể thửa, số thửa và diện tích đất.

[2.4.4] Đối với kháng cáo về việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không căn cứ Công văn số 384 ngày 09/9/2012 của Công ty S để xem xét: đòi đất ấy là của tôi, Công ty đã bồi thường đường đi qua đất của tôi. Tôi cho thủy điện lấy đất của tôi để làm đường tránh mà đồng chí Đào C đại diện thủy điện làm việc với tôi. Công ty P Hòa và công ty Q trực tiếp lấy đất, trực tiếp bồi thường tiền cây keo tôi trồng; Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Văn bản số 384/22/S3-TCT ngày 09/9/2022 Công ty cổ phần S; theo đó Công ty xác nhận ông L có đất bị ảnh hưởng bởi dự án nhưng không liên quan đến thửa đất số 56, tờ bản đồ số 38. Đồng thời tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay ông L có thừa nhận là tại thôn Đ ông có rất nhiều thửa đất với tổng diện tích trên 15 hecta. Từ đó cho thấy không có căn cứ thửa đất ông L được nhận bồi thường do ảnh hưởng dự án là thửa đất số 56 tranh chấp với ông T.

[3] Từ nhận định trên đây, xét thấy ông Võ Đức L không sử dụng đất nông nghiệp tại thời điểm lập hồ sơ thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ, không được UBND xã C xác nhận sử dụng đất nông nghiệp ổn định và liên tục; không đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương có đất nông nghiệp; không đăng ký quyền SDĐ tại cơ quan đăng ký đất đai và vào sổ địa chính theo quy định tại Điều 95, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013; nhưng ông yêu cầu hủy Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 432901 cấp ngày 09/7/2021 của UBND huyện M là không có cơ sở. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông L là đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông L kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào

mới; do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Đức L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ.

[4] Do kháng cáo của ông Võ Đức L không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; tuy nhiên ông L là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1/ Bác kháng cáo của ông Võ Đức L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2022/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 432901 ngày 09/7/2021 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị Anh T đối với diện tích đất 4.892m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 38 tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Án phí hành chính phúc thẩm: ông Võ Đức L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/3/2023).

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường